TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HS-ST
Ngày: 25-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phi Khanh
2. Ông Nguyễn Văn Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Yến-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kim T; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1989 tại Gia Lai.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Số 24 đường C, tổ 9, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Thành L và bà Võ Thị N (Cha mẹ đều đã chết); Bị cáo có chồng tên là Phan Văn B (đã ly hôn) và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2010 và con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo Nguyễn Thị Kim T bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08-12-2021 cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Mai Thanh H; trú tại: Tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Ông Phan Văn H-Người chứng kiến. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kim T là đối tượng có sử dụng ma túy đá. Thông qua các mối quan hệ xã hội, T biết được số điện thoại của một người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) có bán ma túy. Trưa ngày 19-11-2021, T gọi điện thoại cho người thanh niên hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá, người thanh niên đồng ý và hẹn gặp tại đường Lê Thánh Tôn, thành phố P.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, T đi bộ ra trước khu vực trường Cao đẳng sư phạm tỉnh Gia Lai trên đường L gặp người thanh niên bán ma túy, T đã mua 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T cất giấu vào bên trong khẩu trang đeo trên mặt rồi đi về, với mục đích để sử dụng. T đi bộ dọc đường Lê Thánh Tôn hướng ra đường L thì gặp anh Mai Thanh H đang điều khiển xe đi cùng chiều, T đã đi nhờ xe của ông H đến đoạn ngã tư đường L giao nhau với đường P thì xuống xe. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi T đang đứng tại ngã tư đường L giao nhau với đường P, tổ 5, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an thành phố P phối hợp với Công an phường Y bắt quả tang; thu giữ trong khẩu trang đeo trên mặt của T 01 gói nilon bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (đã tiến hành niêm phong theo quy định) cùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, kèm sim số.

Tại bản kết luận giám định số: 764/KLGĐ ngày 01-12-2021 của phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *"01 gói nilon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1835 gam".*

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì khác.

Tại bản Cáo trạng số: 68/CT-VKS ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim T về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm n, s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T với mức án từ 01 (Một) năm tù đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.

2. Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự ; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

-Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 764/PC ngày 01-12-2021có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

-Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số (đã thu giữ kèm theo cùng với điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen) không còn giá trị sử dụng.

-Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở xác định:

Vào 15 giờ 30 phút ngày 19-11-2021, tại ngã tư đường P giao nhau với đường L, thành phố P, tỉnh Gia lai, khi Nguyễn Thị Kim T đang tàng trữ 0,1835 gam chất ma túy (loại Methamphetamine) với mục đích sử dụng thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Hành vi tàng trữ 0,1835 gam chất ma túy, loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng do bị cáo Nguyễn Thị Kim T thực hiện như đã nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim T hoàn toàn nhận thức được việc tàng trữ ma túy là trái pháp luật nhưng do bản thân có sử dụng ma túy, bị cáo đã bất chấp pháp luật và đã đã thực hiện hành vi tàng trữ 0,1835 gam chất ma túy, loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng. Hành vi của bị cáo phải bị xử lý nghiêm của pháp luật tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với tội phạm.

Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo đang mang thai (Có phiếu siêu âm, bác sỹ đã xác định Nguyễn Thị Kim T đang mang thai với tuổi thai khoảng 25 tuần 05 ngày tại thời điểm ngày 19 tháng 11 năm 2021), quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, bị cáo T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"Người phạm tội là phụ nữ có thai"* và *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* theo quy định tại các điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo cải tạo tốt và sớm trở về với cộng đồng.

[3] Chất ma túy còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 764/PC09 ngày 01-12-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 thẻ sim số (đã thu giữ kèm theo cùng với điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen) hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, là công cụ mà bị cáo Nguyễn Thị Kim T đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[4] Bị cáo Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với người thanh niên mà T khai đã bán ma túy cho T; hiện nay, chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên chưa có căn cứ xử lý, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào xác định được thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Mai Thanh H là người đã chở bị cáo T sau khi bị cáo mua ma túy, tuy nhiên việc T mua ma túy cất giấu trong người để sử dụng thì anh H không biết nên không có căn cứ xử lý về hành vi không tố giác tội phạm đối với anh H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Cơ sở giam giữ chấp hành án.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

-Tịch thu tiêu hủy chất ma túy còn lại sau giám định trong 01 (một) bì Công văn ghi số 764/PC09 ngày 01-12-2021 có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

-Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số (đã thu giữ kèm theo cùng với điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen).

-Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06-4-2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P).

4. Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ-Công an TP. P;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Rmah HThuyên